

Bản án số: 42/2023/HS-ST
Ngày: 10/7/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Ngọc Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Tâm

2. Ông Thái Ngọc Minh

- **Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Minh Hiếu** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:**
Bà Phạm Thị Thu Hồ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2023/TLST-HS ngày 09 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2023/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Lê Văn G (Lê Văn K), sinh ngày: 01/01/1977; Nơi thường trú: ấp T, xã B, huyện P, tỉnh Hậu Giang; Chỗ ở: ấp G, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 08/12; Nghề nghiệp: Thợ hồ; Tiền án, tiền sự: Không; con ông Lê Văn H (chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959; Anh chị em ruột: 08 người, lớn nhất sinh năm 1971, nhỏ nhất sinh năm 1990; Vợ Nguyễn Thị Thu Tr, sinh năm 1977; Con Lê Trung K, sinh năm: 2010.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/11/2022 cho đến nay.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- **Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn G:** Luật sư Võ Văn M - thuộc Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang.

- **Người bị hại:** Bà Lê Thị Y, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp K, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Thu Tr, sinh năm 1977.

Địa chỉ: tổ 5, ấp G, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn G (Lê Văn K) sinh ngày 01/01/1977, thường trú: ấp T, xã B, huyện P, tỉnh Hậu Giang có mối quan hệ quen biết với bà Lê Thị Y sinh ngày 10/10/1977, cư trú: ấp K, xã C, huyện P (nay là thành phố P), tỉnh Kiên Giang nên G hỏi vay tiền của bà Y nhiều lần với mục đích phục vụ việc thi công các công trình do G đang lãnh thi công, trả nợ và tiêu xài cá nhân. Để tạo niềm tin, Lê Văn G dẫn bà Y đến các công trình mà G đang lãnh thi công để bà Y xem. Lúc đầu, do làm ăn có uy tín nên bà Y tin tưởng cho Lê Văn G vay tiền nhiều lần với lãi suất 03% - 04%/tháng. Đến năm 2019, Lê Văn G không còn khả năng thanh toán tiền lãi và tiền gốc cho bị hại Y nên bỏ trốn khỏi địa phương để chiếm đoạt tiền của bà Y. Cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Vào ngày 17/6/2018 âm lịch (nhằm ngày 29/7/2018 dương lịch), G vay của bà Y số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), (có biên nhận).

- Lần thứ hai: Vào ngày 16/11/2018 âm lịch (nhằm ngày 22/12/2018 dương lịch), G vay của bà Y số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), (có biên nhận).

- Lần thứ ba: Vào ngày 15/01/2019 âm lịch (nhằm ngày 19/02/2019 dương lịch), G vay của bà Y số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng), (có biên nhận).

- Lần thứ tư: Vào ngày 08/4/2019 âm lịch (nhằm ngày 12/5/2019 dương lịch), G vay của bà Y số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng), (có biên nhận).

Tổng cộng Lê Văn G đã vay của bị hại Y số tiền 570.000.000 đồng (Năm trăm bảy mươi triệu đồng) sau đó bỏ trốn nhằm chiếm đoạt tài sản.

Quá trình điều tra, G thừa nhận có vay của bà Y số tiền 570.000.000 đồng, do không còn khả năng trả lãi và gốc nên đã bỏ trốn khỏi địa phương nhằm chiếm đoạt số tiền nói trên. Gần trình bày có trả tiền lãi cho bà Y nhưng không nhớ đã trả bao nhiêu và việc trả không có tài liệu chứng minh. Ngoài ra,

bà Y còn trình bày ngoài các lần cho bị can G vay như đã nêu trên thì bà Y còn cho G vay thêm 02 lần nữa vào các ngày 21/5/2019 âm lịch và 29/5/2019 âm lịch với tổng số tiền 250.000.000 đồng. Tuy nhiên, việc cho vay này không có biên nhận, không có tài liệu chứng minh.

Tình tiết giảm nhẹ: trong quá trình điều tra và truy tố, Lê Văn G thành khẩn khai báo.

Tình tiết tăng nặng: không.

Tại Bản Kết luận giám định số: 714/KL-KTHS, ngày 06/12/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang kết luận:

1. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Lê Văn G, Lê Văn K trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký mang tên Lê Văn G trên mẫu so sánh ký hiệu M1 có phải do cùng một người ký ra hay không.

2. Chữ viết ghi họ tên “Lê Văn G”, “Lê Văn K” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ viết của Lê Văn G trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 do cùng một người viết ra.

Tại Bản Kết luận giám định số: 220/KL-KTHS, ngày 08/3/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang kết luận:

Chữ ký mang tên Lê Văn G, Lê Văn K và chữ viết ghi họ tên “Lê Văn G”, “Lê Văn K” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 và A2 so với chữ ký và chữ viết của Lê Văn K trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M11 do cùng một người ký và viết ra.

* Về phần trách nhiệm dân sự: Bà Lê Thị Y yêu cầu bị can bồi thường số tiền 820.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 25/CT-VKSTKG-P2 ngày 08/5/2023 của Viện kiểm sát nhân tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Lê Văn G về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

*** Tại phiên tòa:**

- Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận như sau:
Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự và nhận định: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm tới tài sản của người khác một cách trái pháp luật; bị cáo vì động cơ vụ lợi, đã lợi dụng lòng tin của bị hại để vay tiền của bị hại một cách hợp

pháp, sau đó bỏ trốn nhằm chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Hành vi của bị cáo đã gây thiệt hại về kinh tế của bị hại và gây tâm lý bức xúc cho bị hại, đồng thời làm mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần phải xử lý bị cáo bằng mức án nghiêm, để cải tạo, giáo dục bị cáo, cũng như răn đe phòng ngừa chung.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại; chưa có tiền án, tiền sự. Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt:

- Áp dụng: Khoản 4 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt: Bị cáo Lê Văn G – *Mức án từ 12 năm đến 13 năm tù.*

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 585, 589 Bộ luật dân sự và Điều 48 Bộ luật hình sự: Buộc bị cáo trả cho bị hại số tiền 570.000.000 đồng.

- *Luật sư M phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo như sau:* Thống nhất Cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, Luật sư đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo: Do hoàn cảnh bị cáo làm ăn thua lỗ nên dẫn đến nợ nhiều, không có khả năng chi trả cho bị hại, bị cáo cũng là người có kiến thức lo làm ăn; tại phiên tòa và trong suốt quá trình điều tra bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại; chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt. Do đó, đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo mức án đầu khung đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ nghiêm.

Ý kiến bị hại: Đồng ý về tội danh của bị cáo, đề nghị xử bị cáo theo pháp luật quy định và buộc bị cáo phải trả lại tiền 570.000.000 đồng.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bị cáo không có tranh luận gì với Viện kiểm sát và nói lời nói sau cùng trước khi HĐXX vào nghị án: Mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Kiên Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn G khai nhận như sau: Trong khoảng thời gian từ ngày 29/7/2018 đến ngày 12/5/2019, Lê Văn G (Lê Văn K) lợi dụng vào mối quan hệ quen biết với bị hại Lê Thị Y đã vay tiền của bị hại nhiều lần sau đó bị can bỏ trốn khỏi địa phương nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của bị hại. Tổng số tiền bị can lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của bị hại là 570.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo đã phù hợp với nội dung Cáo trạng, kết luận điều tra, phù hợp với lời khai và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Sau khi nhận tiền của bị hại Nhằm chiếm đoạt tiền của bị hại đến khi cơ quan điều tra truy nã và bắt giữ. Do đó, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Lê Văn G phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo lợi dụng sự quen biết, tin tưởng của người bị hại, vay tiền bị hại nhiều lần mục đích để làm ăn, tuy nhiên khi làm ăn thua lỗ thì bị cáo không trả tiền cho bị hại mà bỏ trốn khỏi địa phương để chiếm đoạt toàn bộ số tiền đã nhận đồng của bị hại. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của bị hại một cách trái pháp luật, gây ảnh hưởng đến kinh tế của gia đình bị hại và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần phải xử lý bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm mục đích răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; tại phiên tòa tự nguyện đồng ý bồi thường cho bị hại. Do vậy, cần áp dụng quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự làm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự bị hại yêu cầu bị cáo

[5] Về quan điểm của Viện kiểm sát: Đề nghị về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ, mức hình phạt cũng như phần trách nhiệm dân sự là phù hợp, HĐXX chấp nhận.

[6] Về quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo: Thống nhất quan điểm về tội danh và trình bày các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là phù hợp, HĐXX chấp nhận.

[7] Về ý kiến các bị hại: Đề nghị xử theo pháp luật và yêu cầu trả lại tiền chiếm đoạt là có căn cứ, HĐXX chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 570.000.000 đồng.

[9] Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền 570.000.000 đồng, được tính bằng: $20.000.000đ + 0,4\% \times 170.000.000đ = 26.800.000$ đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn G phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Áp dụng: Khoản 4 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt: Bị cáo Lê Văn G 12 (mười hai) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ 02/11/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Lê Văn G trả lại cho bà Lê Thị Y số tiền 570.000.000đồng (Năm trăm bảy mươi triệu đồng).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Lê Văn G phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Lê Văn G phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 26.800.000 đồng.

*** Quyền kháng cáo:** Báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại tp.HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- THA tỉnh KG (1)
- Cơ quan điều tra tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Trại tạm giam - CA tỉnh KG;
- Bị cáo (3);
- Bị hại (1);
- Luật sư (3);
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trương Ngọc Hồng

